

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2019/DS-ST

Ngày: 08-11-2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản và Tranh chấp về họ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam

2. Bà Nguyễn Thị Kim Huế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố B tham gia phiên tòa: ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản; Tranh chấp về họ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1966

Và ông Trần Văn C, sinh năm: 1964

Cùng trú tại: Số nhà 166/13 đường Nguyễn Văn C, phường Lộc S, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn K, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Số nhà 233/65 đường Bùi Thị X, phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Lê Kim Y, sinh năm 1967.

Địa chỉ cũ: Số nhà 160C/30, đường Nguyễn Văn C, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ hiện nay: Số nhà 11 đường Nguyễn Lương B, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Nghĩa D, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 160C/30, đường Nguyễn Văn C, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông K và bà Y có mặt tại phiên tòa; ông D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn vợ chồng ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn K trình bày:

Do có mối quan hệ đồng nghiệp thân thiết và cùng quê với nhau nên trong khoảng thời gian từ năm 2010 cho đến năm 2018, vợ chồng Ông C Bà V có cho vợ chồng Bà Y Ông D vay tiền nhiều lần, lần vay ít nhất là 10.000.000đ, lần vay nhiều nhất là 200.000.000đ, có khoản vay có kỳ hạn, có khoản vay không kỳ hạn, khi nào vợ chồng ông bà đòi nợ thì sẽ báo trước cho vợ chồng Bà Y Ông D một thời gian. Khi cho vay lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói có khoản vay lãi suất 2,5%/tháng, có khoản vay lãi suất 3%/tháng, vì thời gian đã quá lâu và giữa hai bên có giao dịch vay tiền nhiều lần, có lúc hai bên đã viết gộp các giấy vay tiền của những lần trước rồi lại tiếp tục vay nên vợ chồng Ông C Bà V không nhớ rõ mức lãi suất của từng khoản vay và số tiền lãi vợ chồng Bà Y Ông D đã trả cho vợ chồng ông bà là bao nhiêu. Trong các khoản vay thì có cả tiền vợ chồng Ông C Bà V hót hụi nhưng không sử dụng và đưa cho vợ chồng Bà Y vay để lấy lãi. Đến ngày 15/10/2018 do vợ chồng Bà Y Ông D bị bế nợ không có khả năng trả tiền cho vợ chồng Ông C Bà V nên giữa hai bên đã đối chiếu và chốt lại số tiền nợ. Bà Y đã viết giấy nợ tiền và xác nhận còn nợ vợ chồng Ông C Bà V số tiền vay là 729.962.000đ. Hai bên cũng đã hủy bỏ các giấy tờ vay trước đó và thống nhất viết lại giấy nợ tiền mới ngày 15/10/2018. Cũng trong thời gian từ năm 2014 cho đến 2018, vợ chồng Ông C Bà V có tham gia nhiều dây hụi (họ) do Bà Y làm chủ. Sau đó vợ chồng Bà Y Ông D bị bế hụi nên Bà Y cũng chốt lại còn nợ vợ chồng Ông C Bà V số tiền hụi là 530.941.000đ (trong đó có số tiền hót huê là 155.115.000đ; tiền hồi huê 362.764.000đ; tiền choàng huê 13.062.000đ). Vợ chồng Ông C Bà V đã đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng Bà Y Ông D cứ đưa ra hết lý do này đến lý do khác mà không chịu trả nợ cho vợ chồng Ông C Bà V.

Nay vợ chồng Ông C Bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Bà Y Ông D có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông bà số tiền vay gốc là 729.962.000đ, tiền nợ huê hụi là 530.941.000đ. Tổng cộng là 1.260.903.000đ (một tỷ hai trăm sáu mươi triệu chín trăm lẻ ba ngàn đồng) và không yêu cầu vợ chồng Bà Y Ông

D trả tiền lãi nữa.

Các lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Kim Y trình bày:

Bà hoàn toàn thống nhất với các lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn K. Bà thừa nhận còn nợ vợ chồng Ông C, Bà V số tiền vay gốc 729.962.000đ và tiền nợ hui là 530.941.000đ, do thời gian vay và chơi huê hui diễn ra trong nhiều năm, quá trình vay và chơi huê hui bà có viết giấy từng lần, có lúc bà viết giấy gộp các khoản vay, khoản tiền hui lại để theo dõi nên giấy tờ vay, nợ hui giữa bà và nguyên đơn cung cấp cho Tòa án có khác nhau. Do bà không có khả năng trả tiền cho nhiều người trong đó có vợ chồng Ông C Bà V nên đến ngày 15/10/2018 giữa bà và vợ chồng Ông C Bà V đã đối chiếu các khoản vay cùng huê hui và chốt lại nợ. Cùng ngày bà đã viết giấy chốt lại số tiền vay gốc còn nợ 729.962.000đ và số tiền hui còn nợ là 530.941.000đ, bà hẹn bán đất sẽ trả cho vợ chồng Ông C Bà V. Quá trình vay tiền và chơi huê hui hai bên có viết giấy nhiều lần, sau đó đến ngày 15/10/2018 giữa bà và vợ chồng Ông C Bà V đã thống nhất hủy bỏ các giấy tờ vay, huê hui trước đó và viết lại thành một giấy nợ tiền mới để chốt lại các khoản nợ. Giấy nợ tiền ngày 15/10/2018 (bản gốc) do vợ chồng Ông C Bà V giao nộp cho Tòa án đúng là do bà viết và ký tên. Tuy nhiên, đây không phải là nợ chung của bà với Ông D mà là nợ riêng của bà. Do đó, bà đồng ý trả cho vợ chồng Ông C Bà V số tiền vay gốc và tiền nợ hui tổng cộng là 1.260.903.000đ (một tỷ hai trăm sáu mươi triệu chín trăm lẻ ba ngàn đồng).

Số tiền lãi 970.800.000đ (chín trăm bảy mươi triệu tám trăm ngàn đồng) mà bà đã trả cho Ông C Bà V đối với khoản vay 729.962.000đ thì do bà trả lãi nhiều lần, có lúc bà đã cần trừ vào tiền Bà V phải đóng hui hàng tháng cho bà. Sau đó giữa bà và vợ chồng Bà V cũng đã tính toán và chốt lại bằng giấy nợ tiền ngày 15/10/2018. Nay bà không tranh chấp gì về số tiền lãi này và không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền lãi bà đã trả này nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Nghĩa D trình bày:

Ông không đồng ý với việc vợ chồng Bà V Ông C kiện ông có trách nhiệm cùng Bà Y trả nợ số tiền 1.260.903.000đ. Bởi vì Bà Y vay mượn tiền của Ông C Bà V như thế nào ông hoàn toàn không biết, ông cũng không ký vào bất kỳ giấy tờ vay mượn nào của vợ chồng Ông C Bà V. Đối với việc Bà Y chơi huê hui, vay tiền của Ông C Bà V như thế nào thì Bà Y không bao giờ nói cho ông biết, Bà Y cũng không sử dụng vào mục đích của gia đình. Nay ông không liên quan và không đồng ý trả số tiền này cho vợ chồng Ông C Bà V.

Bà Y và Ông D vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ ngày 09 tháng 5 năm 2019. Do vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, các bên đương sự đều thống nhất với các tài liệu, chứng cứ của hai bên đã giao nộp cho Tòa án và không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự qui định, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 1.260.903.000đ của Ông C và Bà V là có căn cứ chấp nhận. Buộc Ông D và Bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Nghĩa D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại văn bản “Giấy nhận nợ” bản gốc viết tay ngày 15/10/2018 do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án có nội dung thể hiện: Bà Lê Kim Y có nợ bà Nguyễn Thị V một số khoản tiền như sau: Tổng số tiền hồi huê: 362.764.000đ; Tổng số tiền hốt huê: 155.115.000đ; Tổng số tiền choàng huê: 13.062.000đ; Tổng số tiền vay các đợt có giấy vay: 729.962.000đ. Theo nội dung giấy nhận nợ này thì Bà Y đã xác nhận hiện nay còn nợ vợ chồng Ông C Bà V số tiền vay 729.962.000đ và tiền hui (họ) tổng cộng 03 khoản là 530.941.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Bà Y cũng thừa nhận còn nợ vợ chồng Ông C, Bà V số tiền vay và tiền nợ hui tổng cộng là 1.260.903.000đ. Như vậy, căn cứ vào “Giấy nhận nợ” ngày 15/10/2018 cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của Bà Y, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để khẳng định việc Bà Y có nợ số tiền vay 729.962.000đ và tiền nợ hui (họ) 530.941.000đ của vợ chồng Ông C Bà V là hoàn toàn có thật.

Xét lời khai của Ông D cho rằng đây là nợ riêng của Bà Y không liên quan gì đến ông nên ông không đồng ý cùng Bà Y trả khoản nợ này, phía Bà Y cũng cho rằng đây là nợ riêng của bà vì bà đã dùng các khoản tiền này vào việc chi trả cho những thành viên tham gia các dây họ, trả tiền lãi cho nhiều người khác và dùng các khoản tiền này để chữa bệnh cho mẹ ruột và cháu của bà chứ không liên quan đến Ông D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Phía Bà Y làm chủ các dây họ và giao dịch vay tiền của nhiều người trong rất nhiều năm, có nhiều người tham gia, các kỳ mở họ hàng tháng và vay mượn tiền chủ yếu tại nhà của vợ chồng Bà Y và Ông D. Tại phiên tòa Bà Y thừa nhận việc bà chơi họ và vay tiền thì Ông D có biết nhưng Ông D không liên quan. Ngoài vợ chồng Ông C Bà V khởi kiện vợ chồng Bà Y Ông D trong vụ án này thì còn nhiều người khác cùng tham gia các dây họ với vợ chồng Bà V Ông C cũng khởi kiện vợ chồng Bà Y Ông D về việc đòi tiền nợ họ trong các vụ án khác. Ông D đã thừa nhận có biết việc Bà Y làm chủ họ và vay mượn tiền của nhiều người nhưng ông không có ý kiến, Bà Y thu tiền của các con họ về để chữa bệnh liên quan đến việc sinh con của Bà Y và ông cũng đồng ý có trách nhiệm cùng Bà Y trả số tiền nợ họ đó (Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 44/2018/QĐST-DS ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố B). Vào thời điểm Bà Y giao dịch vay mượn tiền và mở các dây họ thì Bà Y và Ông D vẫn còn là vợ chồng và đang sống chung nhà. Do đó Ông D cho rằng việc Bà Y chơi họ và vay mượn tiền của người khác không liên quan đến ông và Bà Y không dùng số tiền trên vào mục đích sinh hoạt gia đình là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định đây là khoản nợ chung của Bà Y và Ông D phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ vào Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014 xác định đây là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng Ông D, Bà Y. Do vậy, buộc Ông D phải chịu trách nhiệm liên đới cùng Bà Y trả toàn bộ các khoản nợ trên cho nguyên đơn là có căn cứ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, Bà Y không yêu cầu giải quyết về số tiền lãi bà đã trả cho vợ chồng Ông C Bà V nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông D và Bà Y phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị V đối với vợ chồng ông Hoàng Nghĩa D và bà Lê Kim Y về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; tranh chấp nợ họ.

Buộc vợ chồng bà Lê Kim Y và ông Hoàng Nghĩa D có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị V 1.260.903.000đ (một tỷ hai trăm sáu mươi triệu chín trăm lẻ ba ngàn đồng) trong đó có 729.962.000đ tiền vay gốc và 530.941.000đ tiền nợ họ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ông C, Bà V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.900.000đ (Hai mươi bốn triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002801 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B.

Bà Lê Kim Y và ông Hoàng Nghĩa D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.827.090đ (Bốn mươi chín triệu tám trăm hai mươi bảy ngàn không trăm chín mươi đồng).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND Thành phố B;
- + T.H.A Thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền